

Bản án số: 87/2021/HSST

Ngày: 28/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Tiến Hùng, Ông Hoàng Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quốc K, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14/3/1995; Nơi sinh: Xã V, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 2, Xã V, huyện Đ xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha:(không xác định) con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972; Vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1997(đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 65/2012/HSST ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt Nguyễn Quốc K 04 năm 10 tháng tù về các tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/02/2016 Nguyễn Quốc K đã chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến nay hiện đang tạm giam tại trại tam giam Công an tỉnh Nghệ An.

- Bị hại:

1. Chị Trần Thị Như Q, sinh năm 1999 - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Hồ Sỹ B, sinh năm 1991- Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Xóm Gia Hội, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Vĩnh Đ, sinh năm 1986 – Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm Phong Niên, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
2. Anh Trần Tuấn D, sinh năm 1989 – Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm Yên Hương, xã Y, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước với vợ chồng chị Trần Thị Như Q, anh Hồ Sỹ B trú tại xóm Gia Hội, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nên khoảng đầu tháng 8 năm 2020, bị cáo Nguyễn Quốc K gọi điện cho chị Q hỏi mượn chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan với mục đích đưa về nhà để khoan giếng. Ngày 30/8/2020, bị cáo Nguyễn Quốc K được anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1982, trú tại xóm 5, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương có nhờ khoan giếng nên bị cáo K đồng ý. Đến ngày 31/8/2020, bị cáo K nói với anh Đ rằng chiếc máy khoan đang để tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An nên anh Đ đã thuê anh Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1982, trú tại xóm 2, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An làm lái xe chở bị cáo K đến huyện Thanh Chương lấy máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan về khoan giếng cho anh Đ. Khi đi lấy máy khoan bị cáo K rủ thêm anh Trần Tuấn D, sinh năm 1989, trú tại xóm Yên Hương, xã Y, huyện Đ, tỉnh Nghệ An đi cùng. Sau đó, anh Chiến lái xe chở anh D và bị cáo K qua nhà chị Q để chở máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan, khi đến nhà thì gặp vợ chồng chị Q đang ở nhà. Tại đây, bị cáo K vào nhà đặt vấn đề mượn máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan của chị Q, còn anh D và anh Chiến đứng ngoài sân. Chị Q đồng ý và đã thỏa thuận, khi bị cáo K khoan giếng xong, thì bị cáo K phải đưa cho chị Q 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền hao mòn máy và đến ngày 17/9/2020 thì bị cáo K phải trả lại máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan cho chị Q. Sau khi thỏa thuận xong, bị cáo K cùng với anh D và anh Chiến lái xe chở chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan gồm: 06 tháp đỡ, 06 cần khoan, 02 khóa, 01 mũi khoan to, 7 xà beng, 01 móc tời, 03 khóa mở cần, 01 giá sắt về nhà anh Đ để khoan giếng cho anh Đ nhưng anh Đ chưa chọn được ngày đẹp, nên bị cáo K chưa khoan được giếng nhà anh Đ và để máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan tại nhà anh Đ.

Đến ngày 16/9/2020, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan đã mượn của vợ chồng chị Q. Bị cáo K gọi điện cho anh Trần Tuấn D, nhờ anh D đi bán máy cùng, anh D đồng ý đi cùng vì tưởng rằng chiếc máy khoan địa chất là của bị cáo K, anh D thuê giúp bị cáo K một chiếc xe ô tô và người lái xe rồi đi cùng với bị cáo K đến nhà anh Đ để lấy chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan đem đi bán tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Khi đưa chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan đến khu vực xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An bị cáo K gặp anh Nguyễn Vĩnh Đ, sinh năm 1986, trú tại xóm Phong Niên, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An (là chủ cửa hàng thu mua phế liệu) nên bị cáo K nói với anh Đ chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan mang

đến là tài sản của bị cáo K và bán chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan cho anh Đ với giá 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*). Bị cáo dùng toàn bộ số tiền từ việc bán máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 21/9/2020, chị Q có gọi điện cho bị cáo K, yêu cầu trả lại chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện, thì Kiên nói dối với chị Q đang đưa máy đi khoan giếng tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (nhưng thực ra Kiên đã bán chiếc máy và lấy tiền tiêu xài cá nhân) và hứa ngày 24/9/2020 sẽ đưa máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan trả cho chị Q, rồi tắt máy. Đến ngày hẹn, chị Q không thấy bị cáo K đưa máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan đến trả liền gọi điện cho bị cáo K, nhưng bị cáo K tắt máy điện thoại để chị Q không liên lạc được. Sau đó, chị Q cùng chồng là anh Hồ Sỹ B đến nhà tìm bị cáo K nhưng không thấy và cũng không biết bị cáo K đi đâu. Vì vậy, chị Q đã làm đơn trình báo cho Công an xã T, huyện T biết. Đến ngày 03/10/2020, vợ chồng chị Q, anh B đi tìm các điểm thu mua phế liệu, thì phát hiện chiếc máy khoan địa chất cùng bộ phụ kiện khoan của mình tại cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Vĩnh Đ. Sau khi phát hiện máy của mình, chị Q liền báo cho Công an xã Thanh Tiên biết và Công an xã Thanh Tiên đã phối hợp với Công an xã Mỹ Thành để tạm giữ máy khoan cùng bộ phụ kiện dùng để khoan gồm (06 tháp đỡ, 06 cần khoan, 02 khóa, 01 mũi khoan to, 7 xà beng, 01 móc tời, 03 khóa mở cần, 01 giá sắt).

Kết luận định giá số 12/KLĐG ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương kết luận: 01 chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan mà bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng chị Q, anh B có giá trị là 38.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương đã xác định được chủ sở hữu 01 chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan mà bị cáo chiếm đoạt là của vợ chồng chị Q, anh B nên đã trả lại cho chủ sở hữu.

Tại phiên tòa bị hại chị Trần Thị Như Q và anh Hồ Sỹ B vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Bị cáo Nguyễn Quốc K có thời gian làm thợ khoan cho vợ chồng chị Q, anh B, do đó đầu tháng 8 năm 2020, bị cáo Kiên có gọi điện và mượn chiếc máy khoan giếng cùng bộ phụ kiện về để khoan giếng cho nhà bị cáo nên vợ chồng chị Q, anh B đồng ý. Ngày 31/08/2021, bị cáo K cùng với 02 người nữa đến nhà chị Q, tại nhà chị Q bị cáo K vào thỏa thuận mượn máy khoan giếng cùng bộ phụ kiện khoan và hẹn đến ngày 17/9/2020 bị cáo Kiên sẽ trả cho vợ chồng, chị Q, anh B, đồng thời phải trả cho vợ chồng chị Q số tiền 2.000.000 đồng tiền hao mòn máy móc, sau đó bị cáo K chở máy về huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, quá trình thỏa thuận mượn máy khoan và bộ phụ kiện khoan chỉ có bị cáo K biết còn anh D và anh Chiến không biết việc bị cáo K mượn tài sản. Đến ngày trả lại máy khoan cùng bộ phụ kiện như đã thỏa thuận nhưng không thấy bị cáo K trả thì chị Q gọi điện cho bị cáo K, bị cáo Kiên hẹn chị Q sẽ trả máy vào ngày 24/9/2020 với lý do hiện nay bị cáo đang đưa máy đi khoan giếng tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên chị Q, anh B đồng ý. Đến ngày 24/9/2020, không thấy bị cáo mang máy đến trả nên chị Q, anh B

gọi điện cho bị cáo K nhưng không liên lạc được nên vợ chồng chị Q đến nhà bị cáo K tại xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhưng không gặp bị cáo và không biết bị cáo đi đâu. Do đó, chị Q, anh B đã trình báo sự việc với Công an xã T, huyện T tỉnh Nghệ An. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại 01 chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan mà bị cáo chiếm đoạt cho vợ chồng chị Q, anh B nên anh B, chị Q không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Đ vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Ngày 16/9/2021, khi anh Đ đang ở nhà thì Nguyễn Quốc K cùng với 02 người đi cùng đến bán cho anh Đ 01 chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan với giá 7.000.000 đồng. Tại thời điểm mua anh Đ không biết đây là tài sản do bị cáo K chiếm đoạt của chị Q, anh B. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ 01 chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện khoan để trả lại cho chị Q, anh B nên anh Đ đồng ý đề nghị các cơ quan có thẩm quyền buộc bị cáo phải trả cho anh Đ số tiền 7.000.000 đồng là số tiền anh Đ đã trả cho bị cáo K khi mua máy khoan và bộ phụ kiện.

Tại phiên tòa anh Trần Tuấn D vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Ngày 31/8/2021, anh D được bị cáo K rủ sang huyện Thanh Chương để chở máy khoan và bộ phụ kiện về khoan giếng cho anh Đ ở xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên anh D đồng ý đi cùng bị cáo. Sau khi đưa máy về để tại nhà anh Đ một thời gian nhưng không khoan được giếng cho anh Đ thì ngày 16/9/2021, bị cáo K gọi điện cho anh D nhờ anh D thuê cho 01 chiếc xe để chở máy khoan đi bán tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Khi chở máy sang huyện Yên Thành thì bán máy khoan và bộ phụ kiện cho anh Nguyễn Vĩnh Đ là chủ cửa hàng thu mua phế liệu với giá 7.000.000 đồng anh D không biết chiếc máy khoan và bộ phụ kiện này là bị cáo mượn của vợ chồng chị Q, anh B; đồng thời anh D không được chia số tiền mà bị cáo bán máy khoan cho anh Đ.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Chương tiến hành điều tra, xác minh người đàn ông tên Tùng mà anh D thuê chở chiếc máy khoan cùng bộ phụ kiện đi bán tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và kết quả tại địa bàn thị trấn Đô Lương, tỉnh Nghệ An không có người đàn ông tên Tùng tên thường gọi là Tùng Ba nào có đặc điểm và làm nghề lái xe như bị cáo và anh D mô tả.

Cáo trạng số 84/CT-VKS-ĐL ngày 05/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Quốc K về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Vĩnh Đ số tiền 7.000.000 đồng; Về án phí: bị cáo Nguyễn Quốc K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố là đúng nên không tranh luận gì; về phần dân sự bị cáo K đồng ý trả cho anh Nguyễn Vĩnh Đ số tiền 7.000.000 đồng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về Hành vi, quyết định tố tụng.

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Chương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, Kiểm sát viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa người bị hại Trần Thị Như Q, anh Hồ Sỹ B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Vĩnh Đ, Trần Tuấn D vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án họ đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 292, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 31/8/2020, bị cáo Nguyễn Quốc Kien có mượn của vợ chồng chị Trần Thị Như Q và anh Hồ Sỹ B 01 máy khoan giếng và bộ phụ kiện khoan, lợi dụng lòng tin của vợ chồng anh B, chị Q thông qua việc mượn tài sản nên quá trình sử dụng tài sản đã mượn do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Nguyễn Quốc K bán các tài sản mà bị cáo mượn của người bị hại, bị cáo Kien đã có hành vi chiếm đoạt 01 máy khoan giếng và bộ phụ kiện khoan trị giá 38.000.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Vì vậy, hành vi của bị cáo

Nguyễn Quốc K đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất hành vi của bị cáo:

Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; động cơ mục đích phạm tội là chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; bị cáo đã 01 lần bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm 10 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cuốn tài sản” mặc dù đã chấp hành xong nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục dẫn thân vào con đường phạm tội; mặt khác sau khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù được cơ quan điều tra triệu tập làm việc nhưng sau đó bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương nhằm trốn tránh trách nhiệm nên bị truy nã và đã bị bắt theo lệnh truy nã, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[2.3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2.4]. Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2.5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xét. Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Đ là có căn cứ nên chấp nhận buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Vĩnh Đ số tiền 7.000.000 đồng.

[2.6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Điều tra thu giữ và đã trả lại vật chứng vụ án cho chủ sở hữu là đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Đối với anh Nguyễn Vĩnh Đ là người mua chiếc máy khoan và bộ phụ kiện khoan của bị cáo K. Tuy nhiên, anh Đ không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; Đối với Trần Tuấn D là người đi cùng bị cáo đến chở máy khoan cùng bộ

phụ kiện khoan tại nhà bị hại và là người đi cùng bị cáo để bán các tài sản này nhưng anh D không biết đó là tài sản mà bị cáo mượn của vợ chồng chị Q, anh B nên không xử lý trách nhiệm của anh D và anh D là đúng pháp luật

[4]. Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết toàn diện vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: điểm a khoản 1 điều 175; điểm s khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc K 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam (ngày 27/5/2021).

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Quốc K.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc K phải trả cho anh Nguyễn Vĩnh Đ số tiền 7.000.000 đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc K chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đô Lương;
- Công an huyện Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự huyện Đô Lương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Duy Phi

Hội thẩm nhân dân

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Duy Phi

